

(tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y tế).

3. Các chỉ tiêu khác là căn cứ để các cơ sở sản xuất tham khảo khi đăng ký chất lượng gồm:

- Các căn cứ chất lượng trong hợp đồng thương mại của doanh nghiệp nhập khẩu với cơ sở xuất khẩu của nước ngoài;

- Các tiêu chuẩn quốc tế có giá trị áp dụng trong trường hợp chưa có các quy định khác của Việt Nam.

4. Bộ Y tế thống nhất quản lý và cấp đăng ký chất lượng cho các mặt hàng thuốc lá.

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế

*Thủ trưởng*

PGS. PTS. NGUYỄN VĂN THƯỜNG

## TỔNG CỤC HẢI QUAN

### **THÔNG TƯ số 242-TCHQ/PC ngày 14-10-1997 hướng dẫn thi hành Nghị định số 16-CP ngày 20-3-1996 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.**

Thực hiện Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 16-CP ngày 20-3-1996 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

#### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý, hoặc vô ý xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước về hải quan mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự,

theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

2. Cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 16-CP được hiểu như sau:

a) Tổ chức gồm: Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Cá nhân gồm: Người Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước về hải quan, đều phải chịu trách nhiệm hành chính về hải quan theo quy định tại Nghị định số 16-CP ngày 20-3-1996, và quy định về xử phạt của cơ quan Hải quan tại các Nghị định số 88-CP ngày 14-12-1995; Nghị định số 1-CP ngày 3-1-1996; Nghị định số 22-CP ngày 17-4-1996; Nghị định số 26-CP ngày 26-4-1996; Nghị định số 18-CP ngày 24-2-1997; Nghị định số 57-CP ngày 31-5-1997 v.v.. trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, hoặc ký kết có quy định khác.

3. Chỉ những người và cơ quan được quy định tại Điều 16 và Khoản 1, 3, 4 Điều 17 Nghị định số 16-CP mới có quyền xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

4. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan bao gồm: người vận chuyển, người gửi hàng, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của họ đứng tên trên tờ khai hải quan, người kinh doanh kho ngoại quan, khi thực hiện vi phạm hành chính về hải quan; người mua bán, chứa chấp, vận chuyển hàng hóa, vật phẩm có nguồn gốc xuất nhập khẩu trái phép; người mua bán không đúng quy định hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi thuế quan; người có hành vi cản trở, xúc phạm nhân viên hải quan thi hành công vụ, khi có hành vi cố ý hoặc vô ý xâm phạm các quy định quản lý nhà nước về hải quan.

5. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần. Một người, trong cùng một thời điểm có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị



xử phạt hành chính về từng hành vi vi phạm. Trong trường hợp các hành vi vi phạm nói tại điểm này đều thuộc thẩm quyền xử phạt của một người thì ra một quyết định xử phạt chung, nhưng phải ghi rõ mức phạt đối với từng hành vi. Nếu một trong các hành vi vi phạm trên không thuộc thẩm quyền xử phạt của cấp mình thì chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật lên cấp có thẩm quyền xử phạt.

Trong trường hợp nhiều người cùng thực hiện một vi phạm hành chính về hải quan thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

Đối với hành vi sửa đổi tên người nhận hàng trong vận đơn hoặc lược khai hàng hóa; điều chỉnh số lượng, trọng lượng, tên hàng hóa, vật phẩm trên lược khai sau khi phương tiện vận tải đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh thì xử phạt theo quy định tại Khoản 1 và điểm a, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 16-CP; không xem xét trách nhiệm hành chính đối với những phát sinh từ hành vi vi phạm ban đầu. Điều kiện sửa đổi phải theo đúng quy định tại điểm 10.a Phần II Thông tư này.

6. Đối với các vi phạm phức tạp, khó xác định là vi phạm hành chính hay hình sự thì trao đổi với Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và chỉ ra quyết định xử phạt hành chính khi đã có ý kiến bằng văn bản của Viện Kiểm sát nhân dân.

7. Hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu là tang vật vi phạm hành chính thuộc đối tượng chịu thuế thì ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn buộc phải nộp đủ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các loại thuế khác và lệ phí hải quan theo quy định của pháp luật.

8. Khi thực hiện Điều 3 Nghị định số 16-CP, Hải quan có trách nhiệm thu thập tài liệu, thông tin liên quan đến các vụ vi phạm hành chính về hải quan để làm cơ sở ra quyết định xử phạt được kịp thời, chính xác; không được sử dụng các tài liệu, thông tin thu thập trên vào mục đích khác, hoặc làm trở ngại đến sản xuất, kinh doanh của cá nhân, tổ chức vi phạm.

9. Những hành vi vi phạm hành chính về hải quan quy định tại Nghị định số 16-CP trùng với các hành vi vi phạm hành chính được quy định

tại các Nghị định khác ban hành sau Nghị định số 16-CP, có xác định thẩm quyền xử phạt của Hải quan thì xử phạt theo quy định tại văn bản được ban hành sau cùng.

Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới có cùng giá trị pháp lý quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi vi phạm hành chính về hải quan xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.

10. a) Đối với những vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan như quy định tại Điều 8, các điểm a, b, d, e Khoản 3; d, e, k Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 16-CP thì cơ quan nào phát hiện, lập biên bản đầu tiên, cơ quan đó ra quyết định xử phạt;

b) Những hành vi gian lận thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Thông tư số 6-TTLN ngày 20-9-1996 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Nội vụ do cơ quan khác không có thẩm quyền xử phạt phát hiện được thì chuyển giao hồ sơ, tang vật để cơ quan Hải quan ra quyết định xử phạt theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Đối với những vụ vi phạm pháp luật hải quan đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì khi chuyển giao hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời chuyển vật chứng để cơ quan đó bảo quản theo quy định tại Khoản 2, Điều 57 Bộ Luật Tố tụng hình sự, trừ trường hợp đặc biệt Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo khác;

d) Đối với vi phạm hành chính mà hồ sơ liên quan đến nhiều đơn vị hải quan thì đơn vị nào phát hiện, lập biên bản đầu tiên, đơn vị đó ra quyết định xử phạt; những đơn vị liên quan có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ tài liệu cần thiết theo yêu cầu của đơn vị có thẩm quyền xử phạt; khi có ý kiến khác nhau trong việc xử phạt thì phải báo cáo xin ý kiến của Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan.

11. Trong Thông tư này, những cụm từ sau đây được hiểu như sau:

a) "Khu vực biên giới": Bao gồm các xã và đơn vị hành chính tương đương của Việt Nam có ranh



giới là đường biên giới quốc gia chung với nước tiếp giáp.

b) "Cư dân thường trú trong khu vực biên giới": Bao gồm những người có hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới; cán bộ, công nhân, viên chức thuộc các cơ quan, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội có hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới; những người có giấy phép của Công an tỉnh biên giới cho đến cư trú ở khu vực biên giới.

c) "Bất khả kháng": Là sự kiện xảy ra bất ngờ (như thiên tai, chiến tranh, bệnh tật, sự cố kỹ thuật, tình thế cấp thiết hoặc sự kiện bất ngờ khác) mà cá nhân, tổ chức không thực hiện được đầy đủ hoặc không thực hiện được nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật Việt Nam hay Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết.

d) "Hàng hóa, vật phẩm": Là hàng hóa, hành lý, bưu phẩm, bưu kiện, ngoại hối, tiền Việt Nam và những vật phẩm khác, gọi chung là "hàng hóa, vật phẩm" quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 16-CP.

e) Khai báo sai về số lượng, không khai báo:

- "Khai báo sai về số lượng": Là sự chênh lệch về số lượng giữa hàng hóa, vật phẩm cùng loại khai báo trên tờ khai hải quan với hàng hóa, vật phẩm thực xuất hoặc thực nhập.

- "Không khai báo": Là hàng hóa, vật phẩm thực xuất, thực nhập không cùng loại khai báo trên tờ khai hải quan.

- "Tái phạm" được hiểu là trong thời hạn một năm kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan hoặc trong thời hạn chưa hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt lại có vi phạm hành chính mới tương tự về hải quan.

- "Vi phạm nhiều lần" là hành vi vi phạm hành chính về hải quan xảy ra nhiều lần đối với một chủ thể trong lĩnh vực hải quan trong vòng một năm kể từ thời điểm vi phạm hành chính về hải quan được phát hiện trước đó.

## II. ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

1. Hình thức xử phạt: Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về hải quan phải chịu một trong các hình thức phạt chính sau đây: cảnh cáo, phạt tiền.

a) Cảnh cáo: áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu hoặc lần thứ hai, do lỗi vô ý, có tình tiết giảm nhẹ.

b) Phạt tiền: Mức phạt tiền trong từng khung xử phạt được áp dụng như sau:

- Phạt tiền ở mức khởi điểm của khung xử phạt nếu vi phạm lần đầu, không có tình tiết tăng nặng;

- Phạt tiền ở giữa khung xử phạt nếu có từ 1 đến 2 tình tiết tăng nặng;

- Phạt tiền ở mức cuối cùng của khung xử phạt nếu có từ 3 tình tiết tăng nặng trở lên.

Trong trường hợp vi phạm lần đầu có tình tiết tăng nặng như: vi phạm có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm; lợi dụng thiên tai, dịch bệnh, dịch họa để vi phạm, hoặc sau khi vi phạm có hành vi trốn tránh, gây cản trở cho cơ quan Hải quan hoặc giả mạo giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan thì tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể phạt ở mức giữa hoặc cuối khung xử phạt.

c) Ngoài hình thức phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của cá nhân, tổ chức, có thể còn bị áp dụng các hình thức phạt bổ sung sau:

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

- Tước quyền sử dụng giấy phép.

Các hình thức phạt bổ sung trên không được áp dụng độc lập mà phải áp dụng kèm theo hình thức phạt chính.

2. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng hình thức phạt chính, phạt bổ sung trên còn có thể buộc phải thực hiện các biện pháp hành chính khác quy định tại Nghị định số 16-CP hoặc:

- Buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm;

- Đình chỉ làm thủ tục hải quan.



3. Chỉ áp dụng hình thức phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép đối với giấy phép trực tiếp liên quan đến hàng hóa, vật phẩm, phương tiện vận tải là tang vật vi phạm.

Trong trường hợp hành vi vi phạm phải áp dụng hình thức phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu; giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phục vụ trực tiếp quốc phòng, an ninh thì cơ quan Hải quan thông báo để cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng giấy phép, sau đó thông báo kết quả cho cơ quan Hải quan.

Khi phát hiện giấy phép giả mạo, giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì phải lập tức lập biên bản thu giữ ngay, sau đó thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan biết.

4. a) Thời gian khai báo làm thủ tục hải quan nói tại điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 16-CP là thời gian quy định tại Khoản 1 Điều 3 bản Quy định ban hành kèm theo Nghị định số 171-HĐBT ngày 27-5-1991; nếu quá thời hạn 45 ngày thì mức phạt tiền áp dụng theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 16-CP. Những quy định nói tại điểm b này không áp dụng đối với các trường hợp người nhận hàng có lý do chính đáng về việc chậm đến làm thủ tục hải quan.

b) Đối với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 16-CP, chỉ áp dụng trách nhiệm pháp lý nếu trong giấy phép, tờ khai hải quan; quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoặc các giấy tờ thay thế khác do Hải quan và cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, có quy định thời gian phải tái nhập hoặc tái xuất.

5. Đối với vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 16-CP, nếu hành vi mở niêm phong hoặc thay đổi, giả mạo niêm phong với mục đích tẩu tán hàng hóa thì còn bị phạt theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 16-CP; nếu thay đổi chủng loại, số lượng, chất lượng với mục đích trốn thuế thì còn bị phạt theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; nếu sự thay đổi trên nhằm hợp lý hóa cho phù hợp với giấy phép hoặc văn bản thay thế giấy

phép thì còn bị phạt theo quy định tại điểm e Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 16-CP về hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đúng nội dung giấy phép hoặc không có giấy phép. Ngoài việc bị phạt tiền, chủ thể vi phạm phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính (nếu có).

6. a) Chủ thể chịu trách nhiệm hành chính quy định tại Điều 8 Nghị định số 16-CP phải là cư dân thường trú trong khu vực biên giới. Cá nhân không phải là cư dân thường trú trong khu vực biên giới vi phạm quy định tại Điều 8 sẽ bị xử phạt theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

b) Trị giá và mặt hàng cư dân biên giới được phép trao đổi phải theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Điều ước quốc tế về trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới có quy định khác thì thực hiện theo Điều ước quốc tế.

c) Các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa dưới hình thức khác tại cửa khẩu biên giới đường bộ, phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật liên quan.

7. a) Đối với vi phạm quy định tại Điều 9 Nghị định số 16-CP, trong trường hợp hành lý, quà biếu xuất khẩu, nhập khẩu vượt tiêu chuẩn Nhà nước quy định, có khai báo hải quan, là hàng hóa, vật phẩm khuyến khích xuất khẩu, nhập khẩu hoặc là hàng hóa không quản lý bằng hạn ngạch, kế hoạch định hướng, hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện khác thì không xử phạt, nhưng người xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đó phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Trường hợp không khai báo hải quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt theo hướng dẫn tại điểm 11.1 Thông tư này; nếu là hàng cấm xuất khẩu, nhập khẩu thì kèm theo hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật.

- Trường hợp hàng hóa thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (không bao gồm vũ khí, chất nổ, ma túy, tài liệu phản động) có khai báo hải quan thì không cho phép xuất khẩu, nhập khẩu; đối với hàng nhập khẩu thì buộc đưa ra khỏi Việt Nam trong vòng 30 ngày, nếu không thực hiện thì xử lý theo Điều 27 Nghị định số 16-CP.



- Trường hợp quà biếu nhập khẩu vượt quá tiêu chuẩn định lượng theo quy định của Nhà nước, sau khi thực hiện xong việc nộp phạt thì giải quyết hàng hóa theo hướng dẫn hiện hành về chế độ hành lý, quà biếu.

- Người nhận hàng quà biếu gửi qua đường bưu điện trước khi khai báo, nếu đề nghị thì được cơ quan Hải quan cho mở xem với sự giám sát của nhân viên Hải quan. Trong trường hợp đó, họ có thể được từ chối nhận những hàng hóa, vật phẩm nhất định mà không bị xử phạt. Hàng hóa, vật phẩm người nhận từ chối nhận sẽ bị sung công quỹ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm, văn hóa phẩm là hành lý, quà biếu thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, nhưng không mang tính chất kinh doanh hoặc không có tính tiết kiệm nặng thì xử phạt theo quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 16-CP. Các trường hợp vi phạm khác, nếu tang vật vi phạm là văn hóa phẩm đều bị xử phạt theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 88-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội.

8. Đối với vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định số 16-CP nếu không xin được giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm là tài sản di chuyển, tài sản thừa kế, theo quy định của pháp luật phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải tái xuất hoặc đình chỉ xuất khẩu vật phẩm là tài sản di chuyển, thừa kế đó.

9. a) Hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 16-CP, bao gồm cả phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu xuất phát từ một cảng của Việt Nam hoặc chở hàng chuyển khẩu, do bất khả kháng hoặc vì lý do khác phải cập cảng thứ 2 không có trong hành trình của tàu, nhưng không thông báo trước cho Hải quan;

b) Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, chuyển khẩu quy định tại Nghị định số 16-CP bao gồm tất cả các phương tiện vận tải trên không, trên biển, trên sông, trên bộ di chuyển trong khu vực kiểm soát hải quan;

c) Đối với hành vi không chấp hành sự kiểm tra của Hải quan khi vận chuyển hàng hóa trong khu vực kiểm soát hải quan; khi Hải quan kiểm tra kho hàng hóa, nguyên liệu tại nơi sản xuất, kinh doanh đang chịu sự giám sát hải quan hoặc tự ý phá niêm phong kho hàng, kho nguyên liệu, máy móc, nhà xưởng đã niêm phong thì xử phạt theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 22-CP của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế.

10. Đối với các vi phạm quy định tại Điều 12 Nghị định số 16-CP.

a) Việc sửa đổi tên người nhận hàng trong vận đơn hàng hóa hoặc lược khai hàng hóa, vật phẩm về số lượng, trọng lượng, tên hàng trong phạm vi giấy phép hoặc hợp đồng trước khi khai báo hải quan thì áp dụng xử phạt theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 16-CP. Chỉ được phép cho điều chỉnh lược khai, vận đơn phù hợp với pháp luật liên quan và có đủ các điều kiện sau:

- Công văn xin điều chỉnh lược khai hoặc vận tải đơn của người vận tải hoặc đại lý vận tải;

- Lược khai hoặc vận tải đơn gốc;

- Điện tín hoặc FAX của hãng tàu về việc xin điều chỉnh;

- Bản điều chỉnh lược khai hoặc vận đơn.

Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam chỉ cho phép điều chỉnh khi hàng hóa đó chưa đăng ký tờ khai hải quan hoặc không có dấu hiệu lợi dụng việc chuyển đổi tên trên vận đơn hoặc lược khai hàng để hợp pháp hóa việc nhập khẩu hàng hóa. Trước khi cho chuyển đổi phải có sự kiểm tra, giám sát thực tế của Hải quan về tên hàng và số lượng hàng hóa đảm bảo phù hợp với yêu cầu xin điều chỉnh.

b) Khi phát hiện hành vi tự ý sử dụng hàng hóa, vật phẩm được giao cho chủ hàng quản lý chở làm thủ tục hải quan, trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ hết, không thu hồi lại được thì áp dụng hình thức phạt chính theo quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16-CP, thu hồi lại tiền bán hàng theo giá bán thực tế.



c) Khi phát hiện được hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu chứa chấp tại các địa điểm trong khu vực kiểm soát hải quan mà không có chứng từ hợp lệ, hoặc mua bán trái quy định của pháp luật hoặc chứa chấp nhằm mục đích xuất khẩu trái phép, thì xử phạt theo quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

11. Vi phạm các quy định tại điểm a, b Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 16-CP.

11.1. Vi phạm quy định tại điểm a, Khoản 5 Điều 12: Khai báo sai số lượng, trọng lượng, tên hàng, chủng loại, chất lượng, ký mã hiệu, trị giá, xuất xứ hàng hóa so với hợp đồng, giấy phép hoặc khai báo không đúng với thực tế hàng hóa.

- Nếu có đủ căn cứ pháp lý khẳng định rõ hành vi trốn thuế được quy định tại Điều 169 Bộ Luật Hình sự mà số thuế ẩn lậu dưới 50.000.000 đồng Việt Nam, nhưng đã bị xử lý hành chính về hành vi trốn thuế, hoặc đã bị kết án nhưng chưa được xóa án về tội trốn thuế; hoặc số thuế ẩn lậu có số lượng lớn từ 50.000.000 đồng Việt Nam trở lên thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố không xử phạt vi phạm hành chính, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp không đủ các yếu tố cấu thành tội trốn thuế thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt theo Khoản 3 Điều 20 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Khi không có đủ căn cứ pháp lý khẳng định rõ hành vi trốn thuế thì xử phạt theo điểm a, Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 16-CP.

11.2. Đối với hành vi không chịu nhận thông báo thu thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; nộp chậm tiền thuế, tiền phạt hoặc dây dợ nộp thuế, nộp phạt thì xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 22-CP.

11.3. Trường hợp khai sai tên hàng, chủng loại hàng so với hợp đồng, giấy phép, có dấu hiệu buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể mà xử phạt theo quy định tại điểm c hoặc điểm e Khoản 6 Điều 12 Nghị

định số 16-CP; nếu là hàng cấm, thì cộng thêm hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng cấm.

11.4. Trường hợp khai báo sai số lượng, trọng lượng, trị giá, xuất xứ so với thực tế hàng hóa mà hàng hóa là nguyên liệu làm hàng gia công xuất khẩu; nguyên liệu để làm hàng xuất khẩu; hàng góp vốn đầu tư liên doanh (thuộc loại miễn thuế); hàng thuộc quỹ hỗ trợ phát triển (ODA); hàng tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; hàng gửi kho ngoại quan; hàng khuyến mại thì xử phạt như sau:

- Phạt tiền theo quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 1-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại nếu vi phạm lần đầu hoặc lần thứ hai không có tình tiết tăng nặng;

- Phạt theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 nếu vi phạm nhiều lần và có tình tiết tăng nặng;

- Phạt theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nếu có hành vi gian lận thuế đối với hàng tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; hàng khuyến mại; hàng đầu tư liên doanh (không phải thuộc diện hàng hóa được miễn thuế).

Sau khi thi hành xong quyết định xử phạt, được trừ lùi vào giấy phép, hợp đồng, hoặc hạn ngạch.

11.5. Trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa để góp vốn vào liên doanh đầu tư mà khai báo trị giá hàng hóa cao hơn thực tế, nếu xác định được việc giả mạo giấy tờ để tăng góp vốn đầu tư thì ngoài việc phạt về hành vi khai sai trị giá, còn xử phạt về hành vi giả mạo giấy tờ; nếu có dấu hiệu phạm tội thì chuyển cho cơ quan điều tra.

11.6. Hành vi "tự ý tẩy xóa, thêm bớt giả mạo giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự":

Trường hợp sửa chữa, không ảnh hưởng đến bản chất của hồ sơ, không ảnh hưởng đến chế độ quản lý mặt hàng, nghĩa vụ tài chính thì không lập biên bản vi phạm, nhắc nhở cho chủ hàng khai lại, ghi chép cho đúng.

11.7. Trường hợp dịch ra tiếng Việt Nam khi khai báo chưa chính xác thì lấy tiếng Anh làm



chuẩn, hoặc được dịch lại với xác nhận của cơ quan Công chứng nhà nước và không xử phạt.

11.8. Nếu khai sai số lượng, trọng lượng, ký mã hiệu, trị giá, xuất xứ so với thực tế hàng hóa nhưng không ảnh hưởng đến số thuế và các nghĩa vụ tài chính phải nộp và chính sách mặt hàng thì không xử phạt, nếu pháp luật không quy định khác.

12. Đối với hành vi vi phạm liên quan đến giấy phép và văn bản thay thế giấy phép.

12.1. Giấy phép quá hạn:

a) Hàng xuất khẩu: Buộc chủ hàng phải xin gia hạn giấy phép mới làm thủ tục xuất khẩu, đồng thời xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 1-CP;

b) Hàng nhập khẩu: Nếu khi ký hợp đồng, hoặc khi xếp hàng lên phương tiện vận tải hiệu lực giấy phép vẫn còn, nhưng do bất khả kháng, hàng về tới cảng hết hạn giấy phép hoặc hợp đồng thì xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 1-CP về hành vi sử dụng giấy phép quá hạn để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, không coi đây là trường hợp nhập khẩu trái phép.

12.2. Xuất khẩu, nhập khẩu tài sản di chuyển, tài sản thừa kế theo quy định phải có giấy phép, nhưng không có giấy phép thì xử phạt theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 16-CP, đồng thời đình chỉ xuất khẩu hoặc không cho nhập khẩu nếu pháp luật không có quy định khác.

Không tịch thu tài sản di chuyển xuất khẩu, nhập khẩu nếu tài sản đó thực sự thuộc sở hữu của người di chuyển.

12.3. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu sai nội dung giấy phép, nhưng tang vật vi phạm là hàng hóa khuyến khích nhập khẩu, không phải là đối tượng chịu thuế, hoặc vật tư máy móc góp vốn liên doanh đầu tư thuộc công nghệ tiên tiến phù hợp với yêu cầu sử dụng được xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, có khai báo hải quan thì không xử phạt nhưng phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

12.4. Đối với các trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu sai nội dung giấy phép hoặc không có giấy

phép nhưng không phải là giấy phép trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu như giấy phép kinh doanh ngành hàng, giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu, giấy phép nhập nguyên liệu để làm hàng gia công xuất khẩu, giấy phép nhập dây chuyền sản xuất để góp vốn đầu tư theo Luật Đầu tư, giấy phép được xuất nhập khẩu ủy thác, giấy phép kinh doanh chuyển khẩu; kinh doanh theo phương thức tạm nhập, tái xuất; kinh doanh cửa hàng miễn thuế thì xử phạt theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 19 Nghị định số 1-CP.

12.5. Đối với các trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm ngoài đường mậu dịch, nếu khai báo sai so với thực tế hàng hóa hoặc giấy phép thì xử phạt theo hướng dẫn tại điểm 7a, Phần II Thông tư này.

12.6. Trường hợp hàng nhập khẩu sai hợp đồng thương mại, hợp đồng gia công mà người nhận hàng từ chối nhận với lý do xác đáng, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tập quán thương mại quốc tế, không có dấu hiệu hợp pháp hóa cho các lô hàng buôn lậu thì xử lý theo quy định tại Khoản 10, Điều 12 Nghị định số 16-CP.

13. Những viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự lợi dụng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao để thực hiện hoạt động thương mại ngoài phạm vi chức năng chính thức của họ, vi phạm hành chính về hải quan thì trước khi xử phạt, cần trao đổi với Bộ Ngoại giao.

Những trường hợp không được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, nhưng lợi dụng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao để trốn tránh sự kiểm tra hải quan nhằm xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trái phép, trốn lậu thuế hoặc giả mạo các giấy tờ để được nhập khẩu hàng hóa theo tiêu chuẩn ưu đãi miễn trừ hải quan mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đều bị xử phạt theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 16-CP.

14. Những trường hợp giả mạo, sửa chữa giấy tờ hoặc hợp lý hóa hồ sơ hải quan để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa dưới danh nghĩa hàng viện trợ nhân đạo trốn tránh sự kiểm soát hải quan mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 16-CP.



15. Những trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, điểm b Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 16-CP, ngoài việc phạt tiền còn buộc phải tái xuất khỏi Việt Nam trong vòng 7 ngày. Hết thời hạn trên không tái xuất sẽ thực hiện việc cưỡng chế buộc tái xuất hoặc bị tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, Khoản 8 Điều 12 Nghị định số 16-CP.

16. Trong trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm không đúng nội dung giấy phép theo quy định của pháp luật, hàng hóa nhập khẩu là thiết bị dây chuyền sản xuất để góp vốn đầu tư đã qua sử dụng hoặc công nghệ lạc hậu nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép, thì xử phạt theo điểm a, Khoản 5, Điều 12 Nghị định số 16-CP; nếu không được điều chỉnh giấy phép, thì xử phạt theo điểm e Khoản 6 buộc phải tái xuất ra khỏi Việt Nam trong vòng 60 ngày. Quá thời hạn trên không tái xuất sẽ bị tịch thu sung công quỹ.

17. Hàng hóa đưa vào kho ngoại quan:

a) Hàng hóa, vật phẩm gửi kho ngoại quan nhưng đưa vào Việt Nam trước khi ký hợp đồng thuê kho ngoại quan thì áp dụng mức phạt theo quy định tại điểm e Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 16-CP;

b) Trường hợp ngày xếp hàng xuống tàu hiệu lực hợp đồng vẫn còn, nhưng do bất khả kháng, hàng vào tới Việt Nam, hợp đồng hết hiệu lực hoặc trường hợp hợp đồng thuê kho ngoại quan không đăng ký với Hải quan trước 24 giờ khi hàng vào Việt Nam thì xử phạt theo hướng dẫn tại điểm b - 12.1 của Thông tư này.

18. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu ngoại hối:

a) Ngoại hối theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 16-CP được hiểu là kim khí quý và các loại tiền nước ngoài (ngoại tệ) còn có hiệu lực lưu hành, các loại giấy tờ có giá trị chuyển đổi, thanh toán, theo quy định của pháp luật, khi xuất khẩu, nhập khẩu phải khai báo hải quan.

b) Các trường hợp khai khống ngoại hối có số lượng lớn tương đương 5 triệu đồng Việt Nam trở lên đều bị xử phạt.

c) Khi vi phạm Khoản 4 Điều 13 mà số ngoại hối khai khống tương đương 100 triệu đồng trở lên, nếu có tình tiết tăng nặng, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà quyết định xử phạt vi phạm hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu ngoại hối trái phép nhưng cố tình giấu diếm để trốn tránh sự kiểm tra hải quan thì ngoài việc phạt tiền theo quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 6 Điều 13 Nghị định số 16-CP, còn bị tịch thu tang vật vi phạm sung công quỹ, trừ số ngoại hối theo quy định của pháp luật được miễn khai báo hải quan.

19. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu tiền Việt Nam.

a) Vi phạm Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 16-CP không có tình tiết tăng nặng, tang vật vi phạm dưới 10 triệu đồng thì áp dụng hình thức phạt cảnh cáo.

b) Vi phạm Khoản 1, 2, 3 Điều 14 khi xuất khẩu, ngoài việc phạt tiền còn bị đình chỉ xuất khẩu.

c) Vi phạm Khoản 1, 2, 3 Điều 14, nếu cố tình giấu diếm để trốn tránh sự kiểm tra hải quan thì ngoài việc phạt tiền còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm sung công quỹ.

20. Trừ những quy định tại các Điều 13, 14 Nghị định số 16-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, hoặc những trường hợp được miễn trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật, mọi trường hợp không khai báo hải quan đều bị tịch thu sung công quỹ.

21. Việc khai báo đúng, áp mã sai chưa được quy định trong Nghị định số 16-CP, nên khi phát hiện áp mã sai, Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn người khai hải quan khai lại.

### III. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

1. a) Đội trưởng các Đội công tác nghiệp vụ thuộc cửa khẩu và các Phòng nghiệp vụ do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Hải quan tỉnh) bổ nhiệm, được thực hiện thẩm quyền xử



phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16-CP. Cấp trên trực tiếp của Đội trưởng các Đội công tác nghiệp vụ có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu những người thuộc quyền chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi ra quyết định xử phạt. Những trường hợp chủ thể vi phạm là người nước ngoài hoặc vụ việc có những tình tiết phức tạp thì chuyển lên cấp trên trực tiếp để ra quyết định xử phạt.

b) Các cửa khẩu và Phòng nghiệp vụ không tổ chức Đội công tác nghiệp vụ thì thẩm quyền xử phạt của Đội trưởng do Trưởng Hải quan cửa khẩu hoặc Trưởng phòng đảm nhiệm.

**2. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh; Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 16-CP.**

Quyết định xử phạt 2 triệu đồng và quyết định tịch thu tang vật, phương tiện có trị giá 5 triệu đồng trở lên, những người có thẩm quyền trên đây phải gửi tới Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu để gửi sang Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Đối với những hành vi vi phạm có mức phạt tiền trên 2 triệu đồng hoặc tịch thu tang vật có trị giá trên 20 triệu đồng, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh phải lập báo cáo, chuyển hồ sơ, tang vật lên Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra quyết định xử phạt.

Những trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu, thì vi phạm được phát hiện, lập biên bản tại địa bàn quản lý của Hải quan khu vực nào, sẽ chuyển giao Cục trưởng Cục Hải quan nơi đó ra quyết định xử phạt, đồng thời phải báo cáo Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu.

**3. Cục trưởng Hải quan tỉnh thực hiện quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 16-CP.**

a) Đối với những vụ vi phạm có tình tiết phức tạp, hoặc có áp dụng hình thức phạt bổ sung mà tang vật tịch thu trị giá trên 200 triệu đồng thì

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh phải gửi hồ sơ và báo cáo xin ý kiến Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan; chỉ khi được sự đồng ý của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan mới được ra quyết định xử phạt.

b) Đối với những vụ vi phạm áp dụng hình thức phạt tiền có mức phạt trên 20 triệu đồng thì làm thủ tục chuyển hồ sơ sang Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban Nhân dân tỉnh) nơi bắt giữ để Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt. Sau khi có quyết định xử phạt, Cục trưởng Cục Hải quan phải báo cáo lên Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan.

c) Đối với những vi phạm pháp luật hải quan do Đội kiểm soát cơ động trên biển phát hiện, lập biên bản vi phạm, bắt giữ ở vùng lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế hoặc những địa bàn chưa có tổ chức Hải quan mà vượt thẩm quyền của Đội kiểm soát, thì đưa về trụ sở Hải quan nơi gần nhất để thực hiện xử phạt theo quy định chung.

d) Hồ sơ vụ vi phạm hành chính về hải quan khi chuyển sang Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phải kèm theo bản báo cáo nội dung sự việc và kiến nghị của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh về biện pháp xử lý. Thủ tục bàn giao hồ sơ những vụ vi phạm hành chính về hải quan có mức phạt trên 20 triệu đồng từ cơ quan Hải quan sang Ủy ban Nhân dân tỉnh phải thực hiện theo đúng quy định chung. Thời gian xem xét giải quyết ở mỗi cấp được quy định như sau:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh phải gửi hồ sơ kèm theo kiến nghị biện pháp xử phạt vi phạm hành chính sang Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét; trong thời hạn từ 5 đến 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiến nghị biện pháp xử phạt của Cục trưởng Cục Hải quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt. Tang vật vi phạm vẫn giữ tại kho của Hải quan để bảo quản. Riêng tang vật là ngoại tệ, đồng Việt Nam, kim khí quý, đá quý phải niêm phong và gửi Kho bạc Nhà nước.

e) Các vụ vi phạm hành chính do cơ quan Hải quan chuyển sang Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh



giải quyết theo thẩm quyền, thì sau khi có quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan nơi thụ lý vụ vi phạm hành chính chịu trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt. Hàng tháng Cục trưởng Cục Hải quan phải báo cáo kết quả việc thực hiện quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh với Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan.

g) Trong trường hợp Cục Hải quan phụ trách nhiều tỉnh, các vụ vi phạm hành chính về hải quan bắt giữ tại địa bàn tỉnh nào thì chuyển sang Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi đã bắt giữ ra quyết định phạt, nếu vượt thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh.

4. Thẩm quyền xử phạt theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo Khoản 1, 2, 3 Điều 20 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Điểm 1 Mục VIII Thông tư số 72A-TC/TCT ngày 30-8-1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54-CP đối với số thuế ẩn lậu ở dưới mức truy cứu trách nhiệm được quy định tại Thông tư số 6-TTLB ngày 20-9-1996 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ hướng dẫn xử lý tội trốn thuế.

5. Để đảm bảo việc xử phạt đúng thời gian luật định, trong một số trường hợp cụ thể khi cả Cục trưởng và các Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh vắng mặt thì được phép ủy quyền cho Trưởng phòng Điều tra chống buôn lậu (nơi không có Phòng Xử lý) hoặc Trưởng phòng Xử lý ký quyết định xử phạt, người ủy quyền và người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.

#### IV. THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ĐẢM BẢO VIỆC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Khi áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Điều 19 Nghị định số 16-CP mới được tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

b) Khi tạm giữ người phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người tạm giữ một bản;

c) Chỉ tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong trường hợp cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng để làm căn cứ quyết định xử phạt hành chính hoặc để ngăn chặn, đình chỉ ngay những vi phạm hành chính.

2. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, phải tiến hành lập biên bản vi phạm và xem xét hành vi đó có phải áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật hay không; chỉ tạm giữ tang vật khi xác định hành vi vi phạm đó có thể phải áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật sung công quỹ hoặc số tang vật có trị giá tương đương với mức phạt theo hành vi vi phạm để đảm bảo thực hiện quyết định xử phạt. Trường hợp chưa xác định được có vi phạm xảy ra hay không, thì chỉ nên lưu mẫu tang vật. Đối với tang vật là ngoại hối của hành khách xuất nhập cảnh, chỉ tạm giữ số ngoại hối vượt tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với tang vật là nguyên liệu sản xuất hàng gia công, nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu, hàng góp vốn đầu tư liên doanh, hàng nhập khẩu theo vốn ODA được miễn thuế, hàng gửi kho ngoại quan, có sai phạm nhưng có trong giấy phép, hợp đồng thì chỉ lưu mẫu cho giải phóng hàng và yêu cầu các đối tượng này có văn bản cam kết thực hiện quyết định xử phạt sau này.

Khi áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật phải tuân thủ đúng quy định về thời hạn tạm giữ (không quá 15 ngày) và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định tại Khoản 5, Điều 41 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Tổ chức, cá nhân nếu không thực hiện đúng quy định về thời hạn tạm giữ và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm gây thiệt hại vật chất cho chủ hàng thì Cục trưởng Cục Hải quan các địa phương hoặc Thủ trưởng đơn vị là cấp trên của người ra quyết định tạm giữ hoặc người được ủy quyền thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan phải



chịu trách nhiệm giải quyết việc bồi thường thiệt hại vật chất cho chủ hàng theo Điều 7, 8, 9, 10, 11, sau đó, xác định mức bồi thường thiệt hại của cá nhân, người có thẩm quyền tạm giữ gây ra, theo Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 Nghị định số 47-CP quy định về bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

b) Những người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì có quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo thủ tục hành chính.

c) Đội trưởng Đội công tác nghiệp vụ chỉ được tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp phạm pháp quả tang, mà nếu không áp dụng biện pháp tạm giữ thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ bị tiêu tán, đánh tráo để xóa dấu vết. Nhưng trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tạm giữ, người ra quyết định phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 16-CP và phải được sự đồng ý bằng văn bản.

d) Để đảm bảo việc ngăn chặn hành chính kịp thời, có hiệu quả, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh được ủy quyền cho Trưởng phòng Điều tra chống buôn lậu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

### 3. Khám người theo thủ tục hành chính.

a) Thẩm quyền và trình tự khám người theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 21 Nghị định số 16-CP.

b) Nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ được phép khám người theo thủ tục hành chính. Trước khi khám, bắt buộc phải cho người bị khám xem Chứng minh thư Hải quan; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và phải báo cáo ngay cho thủ trưởng đơn vị.

### 4. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

a) Nhân viên Hải quan đang thi hành công vụ có quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính, trừ trường hợp phương tiện vận tải là tàu biển, máy bay, tàu hỏa của Việt Nam và nước ngoài vận chuyển trên các tuyến

đường quốc tế thì phải có quyết định của Trưởng Hải quan cửa khẩu hoặc cấp tương đương trở lên.

b) Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự phải tuân thủ các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia và phải có quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan.

Khi có cơ sở khẳng định hành lý của người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự xuất cảnh, nhập cảnh chứa đựng những đồ vật không được hưởng ưu đãi, hoặc chứa những đồ vật thuộc loại Nhà nước Việt Nam cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc không tuân thủ các chế độ kiểm dịch của Việt Nam, thì việc khám xét thực hiện theo quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan, trước mặt viên chức ngoại giao hoặc người được ủy quyền đại diện cho họ.

### 5. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Khi xét thấy cần khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong khu vực kiểm soát hải quan thì cơ quan Hải quan phải phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền như Công an, Quản lý thị trường để thực hiện việc khám xét theo quy định tại Điều 44 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

## V. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan bằng hình thức cảnh cáo thì không phải lập biên bản vi phạm mà ra quyết định xử phạt tại chỗ.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có thể ghi ngày có hiệu lực (như trường hợp xử phạt đối với người nước ngoài vắng mặt; những trường hợp vi phạm điều kiện thời gian, không gian hoặc những lý do khác không thể thực hiện được đầy đủ quyết định trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt).



3. Đối với những trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền hoặc phạt tiền kèm tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm mà quá thời hạn chấp hành quyết định xử phạt, đương sự cố tình không thực hiện nộp phạt thì phải tổ chức việc cưỡng chế.

Cục trưởng Cục Hải quan cấp tỉnh trở lên mới được áp dụng hình thức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt bằng biện pháp đình chỉ làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu và chỉ thực hiện biện pháp này sau khi đã phối hợp với các cơ quan quy định tại Điều 30 Nghị định số 16-CP mà không thực hiện được các biện pháp cưỡng chế khác, khi đương sự cố tình không thực hiện quyết định xử phạt.

4. Vụ Pháp chế Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức phối hợp với các Vụ, Cục liên quan thuộc Tổng Cục Hải quan, thực hiện phúc tra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan và kiểm tra việc tuân theo pháp luật trong quá trình thực hiện xử phạt để đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính về hải quan đúng quy định của pháp luật.

## VI. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Khiếu nại việc áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính.

a) Cá nhân, tổ chức bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính như: tạm giữ người; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; khám người; khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định số 16-CP thì cá nhân, tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quyền khiếu nại lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

b) Việc giải quyết khiếu nại phải thực hiện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bằng quyết định giữ nguyên các biện pháp ngăn chặn, thay đổi hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ biện pháp ngăn chặn.

2. Khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

Người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan có trách nhiệm giải quyết khiếu nại lần thứ nhất.

Đối với quyết định của Đội trưởng Đội công tác nghiệp vụ thì Trưởng phòng nghiệp vụ, Trưởng Hải quan cửa khẩu giải quyết khiếu nại lần thứ hai.

Đối với các quyết định xử phạt của Trưởng Hải quan cửa khẩu, Đội trưởng Đội kiểm soát Hải quan, thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần thứ hai là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh hoặc Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu.

Đối với các quyết định xử phạt của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố, thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần thứ hai là Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan.

Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan giải quyết khiếu nại lần thứ hai đối với các quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh; nếu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đồng ý với quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan thì ra quyết định sửa đổi quyết định của mình. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh không đồng ý với quyết định của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh khiếu nại lên Tổng Thanh tra Nhà nước.

Mọi khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan được giải quyết theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 31, 32 Nghị định số 16-CP; Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước, thì có quyền khiếu nại lên cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền. Trong trường hợp vừa có khiếu nại lên cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp, vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính thì thực hiện theo Điều 13 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

3. Khi giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải căn cứ vào Khoản 3, Điều 88 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và mẫu án chỉ HC20 để ra quyết định giải quyết khiếu nại.



## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh tổ chức kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện nguyên tắc, trình tự xử phạt vi phạm hành chính của các đơn vị thuộc quyền.

Ở cửa khẩu, Đội kiểm soát trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, Phòng nghiệp vụ, phải cử cán bộ chuyên theo dõi, hướng dẫn kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính của các Đội nghiệp vụ; giải quyết kịp thời các khiếu nại về biện pháp ngăn chặn hành chính; hướng dẫn, giải quyết các khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 16-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Đối với những vụ vi phạm hành chính hoặc khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp, Hội đồng tư vấn xử lý các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét để kiến nghị Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh ra quyết định được kịp thời, đúng đắn.

3. Những cán bộ theo dõi, hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính phải được lựa

chọn từ các cán bộ, nhân viên đã được rèn luyện tốt, trung thực, am hiểu pháp luật và nghiệp vụ.

4. Việc thu nộp vi phạm hành chính thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính, Cục Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu Tổng Cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể chế độ thu nộp theo quy định hiện hành.

5. Những cán bộ, nhân viên hải quan có thẩm quyền xử phạt hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính hoặc được giao nhiệm vụ làm công tác xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, nếu có hành vi vi phạm nguyên tắc, trình tự xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm hay sách nhiễu, vụ lợi thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm khắc theo pháp luật; nếu gây thiệt hại về vật chất cho cá nhân, tổ chức thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 41-TCHQ/PC ngày 6-5-1996 và Thông tư số 155-TCHQ/PC ngày 30-10-1996.

Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan  
PHAN VĂN DĨNH

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Công ty in Tiến Bộ - Hà Nội